

Báo cáo Lịch sử Chẩn đoán

Người dùng: anhhuy@gmail.com

Ngày xuất: 18/5/2025

Điều trị	
<p>N N B Đ</p> <p>g g ê ô</p> <p>à u n</p> <p>y ô h c</p> <p>n h</p> <p>g í</p> <p>ờ n</p> <p>x</p> <p>á</p> <p>c</p> <p>(</p> <p>%</p> <p>)</p>	
<p>Phun thuốc фунгицид chứa lưu huỳnh, myclobutanil hoặc trifloxystrobin. Cắt tỉa cành bị nhiễm nặng. Tăng cường lưu thông không khí.</p> <p>1 T p 9</p> <p>2 á o 3</p> <p>: i w .</p> <p>0 d 8</p> <p>5 l e 6</p> <p>: ê r</p> <p>0 n y</p> <p>9 _</p> <p>t _</p> <p>1 h i</p> <p>8 ủ l</p> <p>/ d</p> <p>5 c e</p> <p>/ ô w</p> <p>2 n</p> <p>0 g</p> <p>2</p> <p>5</p>	
<p>Cắt tỉa và tiêu hủy lá bị bệnh. Phun thuốc фунгицид có gốc đồng hoặc mancozeb. Cải thiện lưu thông không khí xung quanh cây.</p> <p>1 T f 7</p> <p>2 á r 3</p> <p>: i o .</p> <p>0 g 9</p> <p>5 l _ 0</p> <p>: ê e</p> <p>0 n y</p> <p>2 e</p> <p>t _</p> <p>1 h l</p> <p>8 ủ e</p> <p>/ a</p> <p>5 c f</p> <p>/ ô _</p> <p>2 n s</p> <p>0 g p</p> <p>2 o</p> <p>5 t</p>	
<p>Loại bỏ lá và cành bị bệnh. Phun thuốc фунгицид có chứa myclobutanil, propiconazole hoặc triadimefon. Tránh trồng gần cây bách xù (juniper).</p> <p>1 T r 9</p> <p>2 á u 5</p> <p>: i s .</p> <p>0 t 3</p> <p>4 l 1</p> <p>: ê</p>	

<p>Điều trị</p> <p>N B Đ g g ê ô à u n y ồ h c n h g í i n ờ h</p> <p>x á c</p> <p>(%)</p>	
<p>2 n 8 t 1 h 8 ủ / 5 c / 2 n 0 g 2 5</p>	
<p>Loại bỏ cành, quả bị bệnh. Phun thuốc фунгицид có chứa captan hoặc mancozeb theo hướng dẫn. Đảm bảo cây đủ dinh dưỡng và nước.</p> <p>1 T B 9 1 á l 8 : i a . 4 c 3 0 l k 9 : ê 2 n R 9 o t t 1 h 8 ủ / 5 c / 2 n 0 g 2 5</p>	
<p>Cắt tỉa và tiêu hủy lá bị bệnh. Phun thuốc фунгицид có gốc đồng hoặc mancozeb. Cải thiện lưu thông không khí xung quanh cây.</p> <p>1 T f 7 1 á r 3 : i o . 3 g 9 9 l _ 0 : ê e 3 n y 6 e t _ 1 h l 8 ủ e / 5 c f / 2 n s 0 g p 2 o 5 t</p>	
<p>Phun thuốc фунгицид chứa lưu huỳnh, myclobutanil hoặc trifloxystrobin. Cắt tỉa cành bị nhiễm nặng. Tăng cường lưu thông không khí.</p> <p>1 T p 8 1 á o 6 : i w .</p>	

Điều trị	
N N B Đ	
g g ê ô	
à u n	
y ô h c	
n	h
g	í
i	n
ờ	h
	x
	á
	c
	(
	%
)

3 d 5	
8 l e 0	
: ê r	
2 n y	
9 _	
t ñ	
1 h i	
8 ủ l	
/ d	
5 c e	
/ ô w	
2 n	
0 g	
2	
5	

Phun thuốc фунгицид chứa lưu huỳnh, myclobutanil hoặc trifloxystrobin. Cắt tỉa cành bị nhiễm nặng. Tăng cường lưu thông không khí.	
1 T p 9	
1 á o 9	
: i w .	
3 d 5	
8 l e 1	
: ê r	
0 n y	
8 _	
t ñ	
1 h i	
8 ủ l	
/ d	
5 c e	
/ ô w	
2 n	
0 g	
2	
5	

Phun thuốc фунгицид chứa lưu huỳnh, myclobutanil hoặc trifloxystrobin. Cắt tỉa cành bị nhiễm nặng. Tăng cường lưu thông không khí.	
1 T p 9	
1 á o 8	
: i w .	
3 d 3	
8 l e 2	
: ê r	
0 n y	
3 _	
t ñ	
1 h i	
8 ủ l	
/ d	
5 c e	
/ ô w	
2 n	
0 g	
2	
5	

Phun thuốc фунгицид chứa lưu huỳnh, myclobutanil hoặc trifloxystrobin. Cắt tỉa cành bị nhiễm nặng. Tăng cường lưu thông không khí.	
--	--

Điều trị

N N B Đ
g g ê ô
à u n
y ồ h c
n h
g í
i n
ờ h

x
á
c

(
%
)

1 T p 9
1 á o 8
: i w .
3 d 7
7 l e 2
: ê r
2 n y
1 _
t n
1 h i
8 ủ l
/ d
5 c e
/ ô w
2 n
0 g
2
5

Phun thuốc фунгицид chứa lưu huỳnh, myclobutanil hoặc trifloxystrobin. Cắt tỉa cành bị nhiễm nặng. Tăng cường lưu thông không khí.

1 T p 9
1 á o 0
: i w .
3 d 1
7 l e 9
: ê r
1 n y
5 _
t n
1 h i
8 ủ l
/ d
5 c e
/ ô w
2 n
0 g
2
5

Phun thuốc фунгицид chứa lưu huỳnh, myclobutanil hoặc trifloxystrobin. Cắt tỉa cành bị nhiễm nặng. Tăng cường lưu thông không khí.

1 T p 9
1 á o 0
: i w .
2 d 1
7 l e 9
: ê r
5 n y
5 _
t n
1 h i
8 ủ l
/ d
5 c e
/ ô w
2 n
0 g
2
5

Điều trị			
N g à y g i ờ	N g ầ y g i ờ	B ã n h í n h	Đ ộ c h í n h x á c (%)

Phun thuốc фунгицид chứa lưu huỳnh, myclobutanil hoặc trifloxystrobin. Cắt tỉa cành bị nhiễm nặng. Tăng cường lưu thông không khí.			
1 1 : 2 6 : 5 8	T à i d l ê r _	p o w .	9
1 2 6 : 5 8	h ù d c ê w n g		

Phun thuốc фунгицид chứa lưu huỳnh, myclobutanil hoặc trifloxystrobin. Cắt tỉa cành bị nhiễm nặng. Tăng cường lưu thông không khí.			
1 1 : 2 6 : 4 9	T à i d l ê r _	p o w .	9
1 2 6 : 4 9	h ù d c ê w n g		

Loại bỏ lá và cành bị bệnh. Phun thuốc фунгицид có chứa myclobutanil, propiconazole hoặc triadimefon. Tránh trồng gần cây bách xù (juniper).			
1 1 : 2 6 : 3 9	T r ầ t l ê n t		9
1 2 6 : 3 9	h ù c ê w n g		

Độ chênh lệch (%)

Loại bỏ lá và cành bị bệnh. Phun thuốc фунгицид có chứa myclobutanil, propiconazole hoặc triadimefon. Tránh trồng gần cây bách xù (juniper).

Phun thuốc фунгицид như captan, mancozeb, hoặc dodine. Vệ sinh vườn, loại bỏ lá rụng và quả bị bệnh. Chọn giống kháng bệnh nếu có thể.

1	T	s	9
1	á	c	9
:	i	a	.
2		b	7
4	l		3
:	ê		
1	n		
5			
	t		
1	h		
8	ú		
/			
5	c		
/	ô		
2	n		
0	g		
2			
5			

Loại bỏ lá và cành bị bệnh. Phun thuốc фунгицид có chứa myclobutanil, propiconazole hoặc triadimefon. Tránh trồng gần cây bách xù (juniper).

1 T 9
1 à 9
: i s .
1 t 9
8 l 7
: ê
4 n
5
t
1 h
8 ù
/
5 c

Điều trị	
N N B Đ g g ê ô à u n y ồ h c n h g í i n ờ h x á c (%)	
/ ô 2 n 0 g 2 5	
Phun thuốc фунгицид chứa lưu huỳnh, myclobutanil hoặc trifloxystrobin. Cắt tỉa cành bị nhiễm nặng. Tăng cường lưu thông không khí.	
1 T p 9 1 à o 5 : i w . 1 d 5 8 l e 7 : ê r 3 n y 3 _ t ñ 1 h i 8 ù l / d 5 c e / ô w 2 n 0 g 2 5	
Phun thuốc фунгицид chứa lưu huỳnh, myclobutanil hoặc trifloxystrobin. Cắt tỉa cành bị nhiễm nặng. Tăng cường lưu thông không khí.	
1 T p 9 1 à o 9 : i w . 1 d 5 7 l e 5 : ê r 2 n y 4 _ t ñ 1 h i 8 ù l / d 5 c e / ô w 2 n 0 g 2 5	
Phun thuốc фунгицид như captan, mancozeb, hoặc dodine. Vệ sinh vườn, loại bỏ lá rụng và quả bị bệnh. Chọn giống kháng bệnh nếu có thể.	
1 T s 4 1 à c 5 : i a . 1 b 6 6 l 7 : ê 3 n 8 t 1 h	

Điều trị	
N N B Đ g g ê ô à u n y ồ h c n h g í i n ờ h x á c (%)	

8 ủ / 5 c / 2 n 0 g 2 5	
--	--

Phun thuốc фунгицид chứa lưu huỳnh, myclobutanil hoặc trifloxystrobin. Cắt tỉa cành bị nhiễm nặng. Tăng cường lưu thông không khí.	
1 T p 9 1 á o 9 : i w . 1 d 8 6 l e 4 : ê r 2 n y 9 _ t ñ 1 h i 8 ủ l / d 5 c e / ô w 2 n 0 g 2 5	

Loại bỏ lá và cành bị bệnh. Phun thuốc фунгицид có chứa myclobutanil, propiconazole hoặc triadimefon. Tránh trồng gần cây bách xù (juniper).	
1 T r 9 0 á u 9 : i s . 4 t 9 2 l 7 : ê 1 n 6 t 1 h 8 ủ / 5 c / 2 n 0 g 2 5	

Phun thuốc фунгицид như captan, mancozeb, hoặc dodine. Vệ sinh vườn, loại bỏ lá rụng và quả bị bệnh. Chọn giống kháng bệnh nếu có thể.	
1 T s 4 0 á c 5 : i a . 4 b 6 2 l 7 : ê 0 n	

Điều trị	
N N B Đ g g ê ô à u n y ồ h c n h g í i n ờ h x á c (%)	
3 t 1 h 8 ủ / 5 c / ô 2 n 0 g 2 5	
Cắt tỉa và tiêu hủy lá bị bệnh. Phun thuốc фунгицид có gốc đồng hoặc mancozeb. Cải thiện lưu thông không khí xung quanh cây.	
1 T f 7 0 á r 3 : i o . 4 g 9 1 l _ 0 : ê e 5 n y 1 e t _ 1 h l 8 ủ e / a 5 c f / ô _ 2 n s 0 g p 2 o 5 t	
Phun thuốc фунгицид chứa lưu huỳnh, myclobutanil hoặc trifloxystrobin. Cắt tỉa cành bị nhiễm nặng. Tăng cường lưu thông không khí.	
1 T p 9 7 á o 8 : i w . 4 d 3 4 l e 2 : ê r 3 n y 6 _ t n 1 h i 4 ủ l / d 5 c e / ô w 2 n 0 g 2 5	
Phun thuốc фунгицид như captan, mancozeb, hoặc dodine. Vệ sinh vườn, loại bỏ lá rụng và quả bị bệnh. Chọn giống kháng bệnh nếu có thể.	
1 T s 4 7 á c 5 : i a . 3 b 6	

Điều trị	
N N B Đ g g ê ô à u n y ồ h c n h g í i n ờ h x á c (%) 3 l 7 : ê 2 n 6 t 1 h 4 ủ / 5 c / ô 2 n 0 g 2 5	
Không cần điều trị, duy trì chăm sóc tốt.	
1 T h 8 7 à e 5 : i a . 3 l 5 2 l t 2 : ê h 0 n y 9 t 1 h 4 ủ / 5 c / ô 2 n 0 g 2 5	
Loại bỏ lá và cành bị bệnh. Phun thuốc фунгицид có chứa myclobutanil, propiconazole hoặc triadimefon. Tránh trồng gần cây bách xù (juniper).	
1 T r 7 6 à u 2 : i s . 3 t 3 9 l 2 : ê 2 n 1 t 1 h 4 ủ / 5 c / ô 2 n 0 g 2 5	
Không cần điều trị, duy trì chăm sóc tốt.	
1 T h 8	

Độ chênh lệch giữa Nguỵ và Ngô là 1,5% (1/67)

6 ă e 9
: i a .
3 l 3
9 l t 7
: ê h
0 n y
9
t
1 h
4 ù
/
5 c
/ ô
2 n
0 g
2
5

1 T p 9
6 à o 7
: i w .
3 d 7
6 l e 1
: ê r
5 n y
1 t - r
1 h i
4 ù l
/ d
5 c e
/ ô w
2 n
0 g
2
5

1 T p 9
6 á o 7
: i w .
3 d 5
6 l e 1
: ê r
3 n y
4 _
1 h i
4 ù l
/ d
5 c e
/ ô w
2 n
0 g
2
5